

HIỆN TƯỢNG DỊCH KHI ĐỌC TIẾNG NƯỚC NGOÀI

PHẠM ĐỨC SỬ *

Trong bài viết “Dạy/học môn đọc hiểu văn bản tiếng Pháp tại các trường phổ thông trung học Việt Nam” (*Tạp chí Ngôn ngữ*, 8 (183) – 2004 : 63-66), chúng tôi đã đề cập đến hiện tượng dịch khi đọc hiện còn rất phổ biến trong học sinh và giáo viên dạy tiếng nước ngoài tại các trường phổ thông. Đây là nguồn gốc của hiện tượng này? Chúng ta hãy xem xét một số nguyên nhân, đồng thời thử tìm những biện pháp nhằm khắc phục tình trạng nêu trên.

Trước hết, cần nhắc lại rằng việc dịch khi đọc là một trở ngại lớn cho việc rèn luyện và phát triển kỹ năng đọc hiểu bằng tiếng nước ngoài. Nó làm tốc độ đọc chậm lại, tạo ra sự quá tải cho bộ não vì phải cùng lúc xử lý quá nhiều dữ liệu cả ở cấp độ thấp lẫn ở cấp độ cao (Vigner G., 1996), gây khó khăn cho việc hiểu nội dung của văn bản và vì thế làm mất cả hứng thú đọc hay học đọc bằng tiếng nước ngoài (Phạm Đức Sử, 2004).

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc dịch khi đọc. Qua tìm hiểu tình hình dạy/học môn đọc hiểu tiếng Pháp tại một số trường phổ thông trung học từ những năm 1996 đến 1999, chúng tôi có thể nêu ra một số nguyên nhân mà người học thường gặp sau đây:

- 1- Do người đọc cho rằng phải biết nghĩa của từng từ, từng câu và phải dịch được sang tiếng mẹ đẻ thì mới hiểu văn bản tiếng nước ngoài;
- 2- Không nắm được các kỹ thuật và phương pháp đọc (*stratégies de lecture*), do chỉ được học một kiểu đọc duy nhất là đọc theo hàng ngang, từng chữ, từng câu, từ trái sang phải, từ trên xuống dưới hoặc dịch sang tiếng mẹ đẻ;
- 3- Không có thói quen đọc sách báo, thậm chí kể cả bằng tiếng mẹ đẻ, do vậy khi đọc bằng tiếng nước ngoài thường không tự tin, sợ hiểu sót, hiểu sai nên dịch sang tiếng mẹ đẻ để yên tâm hơn;
- 4- Do mới học nên có tâm lý sợ đọc bằng tiếng nước ngoài;

* TS. Trường PTTH Nguyễn Văn Trỗi , Nha Trang-Khánh Hòa

5- Ngoài ra còn có những nguyên nhân khác không trực tiếp xuất phát từ phía người đọc. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ giới hạn vào việc tìm hiểu một nguyên nhân khách quan không kém phần quan trọng, đó là bản chất và ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ đến việc đọc bằng tiếng nước ngoài.

Chúng ta đều biết, khi đọc bằng tiếng nước ngoài, dù muốn hay không, tiếng mẹ đẻ vẫn luôn hiện diện trong đầu người đọc và tạo ra các cơ chế xử lý dữ liệu khác nhau tùy vào những đặc thù của từng ngôn ngữ (M. Kail: 1990). Nếu vậy có thể giả thiết rằng một trong những nguyên nhân của hiện tượng dịch khi đọc tiếng nước ngoài của nhiều học sinh và giáo viên Việt Nam chính là ảnh hưởng của tiếng Việt. Nói cách khác, *cơ chế ngôn ngữ tiếng Việt “áp đặt” những đặc trưng của mình lên việc đọc tiếng nước ngoài của người Việt Nam, để dẫn đến hiện tượng dịch khi đọc tiếng nước ngoài*, đặc biệt khi người đọc là những người mới học tiếng nước ngoài và với những ngôn ngữ biến hình (langues flexionnelles) như các thứ tiếng thuộc hệ Ấn -Âu (tiếng Pháp, tiếng Anh...).

Sau đây chúng ta hãy cùng tìm hiểu nguyên nhân trên thông qua việc so sánh một số đặc trưng của tiếng Việt và tiếng Pháp trên bình diện ngôn ngữ viết. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng ta chỉ lưu ý đến việc một hiện tượng nào đó có trong thứ tiếng được bàn đến hay không, mà không quá chú trọng việc định danh hay đào sâu về nguồn gốc. Lý do là việc gọi tên hay lý giải nhiều hiện tượng ngôn ngữ tiếng Việt còn đang tranh luận, chưa đi đến thống nhất, vì tiếng Việt là thứ tiếng đơn âm, có những đặc trưng khác hẳn so với các ngôn ngữ biến hình. Có lẽ vì thế mà Cao Xuân Hạo (1998) luôn ủng hộ quan điểm không dùng các khái niệm ngữ pháp phương Tây để mô tả các hiện tượng ngôn ngữ tiếng Việt. Tuy vậy, cho đến nay, giới Việt ngữ học trong và ngoài nước chưa có sự thống nhất cao khi miêu tả và xác định rõ ràng các hiện tượng ngôn ngữ quan trọng của tiếng Việt. Điều này gây khó khăn cho việc dạy/học tiếng và cho những nghiên cứu đối chiếu nhằm giới thiệu hay giải thích tiếng Việt cho người nước ngoài.

I- Các đặc trưng của ngôn ngữ viết tiếng Việt so với tiếng Pháp

Tiếng Pháp là một ngôn ngữ biến hình, thuộc hệ ngôn ngữ Ấn-Âu, có hệ thống ngữ pháp đã được thể chế hoá từ lâu nhờ vào các biến thể về hình thái, tương đối dễ tạo được đồng thuận trong nhận dạng và giải thích các hiện tượng ngôn ngữ. Trái lại, tiếng Việt là một ngôn ngữ đơn lập thuộc hệ ngôn ngữ Môn-Khmer và theo J.Lyons (1970: 145), nó còn tiêu biểu cho loại hình ngôn ngữ đơn lập hơn cả tiếng Hán. Các đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ viết tiếng Việt có thể nêu ra như sau:

❶ Khi viết, các từ luôn *được viết tách rời từng tiếng một*, dù đó là từ đơn hay từ phức (từ ghép). Ngoài ra, từ tiếng Việt *không có các biến thể về hình thái* để biểu đạt các phạm trù giống, số, cách,... cũng *không có các dấu hiệu riêng để phân*

biệt chức năng cú pháp hay từ loại (để phân loại rõ ràng danh từ, động từ, tính từ...), và động từ không được chia như trong các thứ tiếng Ấn-Âu. Tiếng Việt là ngôn ngữ có thanh điệu, các từ đều mang dấu thanh có vai trò biểu đạt nghĩa và nhận dạng từ.

❷ Về cú pháp, *tiếng Việt chỉ sử dụng từ và trật tự từ để tạo ngữ và câu*. Thực vậy, ngoài việc dùng trợ từ để biểu đạt các ý nghĩa ngữ pháp (câu hỏi, câu mệnh lệnh...; thì, thức của động từ...) hay ý nghĩa dụng học, phương thức duy nhất để tạo ngữ và câu là chọn từ, ngữ mang nghĩa cần thiết và đặt chúng liên kế nhau theo một trật tự nhất định. Theo Cao Xuân Hạo (1998), trật tự từ trong tiếng Việt là trật tự {từ chính + từ phụ} cho ngữ; và {chủ từ + động từ + bổ ngữ} cho câu và trật tự này có tính nhất quán rất cao, *ít khi đảo vị trí* như trong các thứ tiếng Ấn-Âu.

❸ Trên bình diện văn bản, tiếng Việt sử dụng nhiều phương thức liên kết có nguyên tắc gần giống với tiếng Pháp như các phép thế, danh từ hóa, phép dùng từ nối... Tuy nhiên, do hình thái từ và cơ cấu ngôn ngữ không giống với các thứ tiếng Ấn-Âu nên dù biết tiếng Việt, người đọc thường khó có thể ứng dụng các kiến thức văn bản có sẵn khi đọc hiểu tiếng nước ngoài.

II- Các cơ chế xử lý dữ liệu ngôn ngữ trong tiếng Việt và khó khăn của người Việt Nam khi đọc hiểu tiếng nước ngoài

Do những đặc trưng ngôn ngữ vừa nêu trên, tiếng Việt thường tạo ra một số cơ chế xử lý dữ liệu ngôn ngữ và cơ chế nhận thức có thể gây khó khăn cho việc đọc hiểu tiếng nước ngoài của học viên Việt Nam, từ đó dẫn tới hiện tượng dịch khi đọc như sau:

1- Khó khăn trong nhận dạng từ, ngữ tiếng Pháp: Thói quen tiếp xúc với các từ đơn âm và không biến hình tiếng Việt có thể làm cho việc nhận dạng các từ đa âm và có dạng thức của tiếng Pháp chậm lại. Việc phân định các ngữ hay mệnh đề trong quá trình đọc tiếng nước ngoài cũng dễ bị ảnh hưởng tương tự. Tuy nhiên, đây lại là những kỹ năng cơ bản giúp đọc nhanh và tạo hứng thú cho người đọc.

2- Khó khăn trong xử lý nghĩa của từ: Việc sử dụng các hình thái chức năng của từ để xây dựng nghĩa trong tiếng Pháp là cơ chế hoàn toàn xa lạ với người Việt Nam. Thế nhưng, theo Baccino và Cole (1995: 62-63), đây lại là một trong những cơ chế xử lý ngôn ngữ cơ bản trong tiếng Pháp, được tự động hóa rất cao trong các tiếng thuộc ngữ hệ Ấn-Âu. Lý do là việc nhận diện từ căn giúp nhận diện ý nghĩa từ vựng, và nếu nhận diện được tiếp tố hoặc tiếp vĩ tố thì suy ra ý nghĩa ngữ pháp là không khó.

Ngoài ra, trong khi xử lý ngữ và câu, các hình thái chức năng của từ có thể giúp người đọc mau chóng nhận dạng các ngữ, các mệnh đề và xác định nghĩa của chúng.

Khi các cơ chế xử lý này kém phát triển, người đọc ít nhiều bị mất phương hướng trước những hình thái đa dạng biểu đạt ngôi, số, giống, chức năng cú pháp, đặc biệt là các thì của động từ. Việc đọc hiểu do vậy sẽ chậm lại hoặc người đọc sẽ bị lúng túng trong việc xây dựng nghĩa của văn bản. Lúc ấy, việc dịch sang tiếng Việt nhằm giảm tải hoạt động của não trong quá trình xử lý các dữ liệu ngôn ngữ và văn bản tiếng nước ngoài gần như trở thành một phản xạ tự nhiên.

3- Đặc biệt khó khăn trong xử lý kết hợp theo quy tắc cú pháp để xây dựng nghĩa của văn bản tiếng nước ngoài. Cú pháp tiếng Việt thường dựa vào nghĩa của từng từ (thường là nghĩa từ vựng) và trật tự từ. Từ đó, khi đọc văn bản, phản xạ của người Việt trước hết dựa vào nghĩa của từng từ để hiểu, còn khi việc này không mang lại kết quả thì dùng văn cảnh (tình huống ngoài văn bản) để xác định nghĩa của từ hay câu.

Thói quen này khi áp dụng cho quá trình đọc hiểu tiếng Pháp dễ làm cho người đọc tập trung chú ý đến việc tìm nghĩa của từng từ¹. Bởi đa số từ tiếng Việt mang nghĩa từ vựng, nên người Việt Nam rất chú ý tới ý nghĩa từ vựng, trong khi đó tiếng Pháp lại sử dụng rất nhiều các từ công cụ để tạo ngữ và câu. Hơn thế nữa, người Pháp có thói quen tự động hóa việc nhận dạng và tìm nghĩa các từ trong câu. Đặc biệt là các đại từ, giới từ, liên từ... trong văn bản tiếng Pháp thường không được người Việt Nam mới học chú ý, nên không hiểu hay hiểu sai ý nghĩa của văn bản. Nhưng nếu vừa chú tâm vào ý nghĩa từ vựng, vừa chú tâm vào ý nghĩa ngữ pháp thì bộ não của người đọc sẽ bị quá tải, dẫn đến việc sử dụng phương pháp dịch khi đọc.

Tóm lại, tiếng Pháp phối hợp 3 phương thức để truyền đạt nội dung và ý định của người viết là từ, chức năng của từ và trật tự từ. Trong quá trình đọc hiểu, người đọc phải cùng lúc dựa trên cả 3 dấu hiệu trên để đọc hiểu từ, ngữ, câu và xây dựng nghĩa của văn bản (M.Kail: 1990). Tiếng Việt chỉ sử dụng 2 dấu hiệu là từ và trật tự từ. Điều này có nghĩa là về cơ chế nhận thức được sử dụng trong đọc hiểu văn bản, tiếng Việt tạo ra 2 chiến lược xây dựng nghĩa như sau:

- a) dựa vào ý nghĩa từ và vị trí của từ trong, câu để tìm các khả năng nghĩa và chọn nghĩa phù hợp;

¹ Do vậy, học sinh khi đọc tiếng nước ngoài luôn kê kê bên mình từ điển hay tìm cách hỏi nghĩa từng từ.

- b) sau đó nếu cần thì dựa vào ngữ cảnh hoặc tình huống ngoài văn bản để hiểu thấu đáo văn bản.

Nói cách khác, tiếng Việt tạo ra phản xạ dựa vào nghĩa từng từ để đọc hiểu. Do vậy, khi đọc hiểu bằng tiếng nước ngoài, người Việt Nam dễ có khuynh hướng đọc hiểu từng từ và đọc dịch, nghĩa là chuyển nội dung văn bản tiếng nước ngoài sang nghĩa tiếng Việt để hiểu.

Tóm lại, xét trên phương diện thuần túy ngôn ngữ, khi đọc hiểu tiếng nước ngoài, người học Việt Nam sẽ gặp 2 trở ngại lớn. Thứ nhất là do thiếu từ vựng, nhưng quan trọng hơn, theo chúng tôi, vẫn là những trở ngại trên bình diện hình thái cú pháp, ở cấp độ câu và văn bản, vì bên cạnh phương tiện từ và trật tự từ, tiếng Pháp còn thường sử dụng các biến đổi hình thái để chuyển tải nghĩa. Phương thức này tạo ra những hiện tượng ngôn ngữ và văn bản không tồn tại hay vận hành khác với tiếng Việt làm cho người đọc tiếng nước ngoài bị mất các điểm tựa quen thuộc, dễ có khuynh hướng chuyển sang dịch khi đọc để giảm bớt quá tải cho bộ não khi phải cùng lúc xử lý nhiều dữ liệu ở nhiều cấp độ khác nhau. Do vậy khó khăn trước hết liên quan đến các cơ chế ngôn ngữ hơn là do thiếu kiến thức về chủ đề.

Điều này không những chỉ đúng với người Việt Nam, mà còn cả với những đại diện ngôn ngữ đơn lập khác khi đọc các văn bản ngôn ngữ biến hình.

III- Dạy/học đọc văn bản tiếng nước ngoài như thế nào để người học không quá lệ thuộc vào lối dịch khi đọc?

Trước tình hình này, muốn xây dựng phương pháp dạy/học đọc văn bản tiếng Pháp để người học Việt Nam không quá lệ thuộc vào lối dịch khi đọc, ngay từ khi mới bắt đầu dạy/học đọc, cần:

- ① Thường xuyên có những loại hình bài tập giúp người học làm quen với chữ viết và các biến đổi hình thái từ và cấu trúc tiếng Pháp sao cho việc nhận dạng và xử lý từ, ngữ, câu dần dần được tự động hóa, trở thành các phản xạ có điều kiện nhằm giảm tải cho bộ não;
- ② Hướng dẫn người học nắm vững các phương pháp đọc hiểu (stratégies de lecture) dựa trên hình thức văn bản như cách trình bày, hệ thống tựa đề, minh họa, các dạng chữ (typographie)...), loại hình và thể loại văn bản... và nhất là có thói quen đọc lại nhiều lần khi tìm nghĩa bài;
- ③ Giúp phát triển kỹ năng suy đoán nghĩa từ hình thái từ hay từ ngữ cảnh.
- ④ Biết dựa vào hình thái từ để xác định chính xác nghĩa của từ, ngữ, câu; đặc biệt là các yếu tố ngữ pháp (các đại từ, từ nối...); từ và câu khóa (mots/phrases-clés) của văn bản;

⑤ Cũng cần làm cho người mới học nhận thức rằng, đọc hiểu văn bản tiếng nước ngoài *không phải là dịch văn bản sang tiếng mẹ đẻ*, mà là đọc hiểu tất cả các loại hình và thể loại văn bản khác nhau, xác định đúng nội dung (tác giả viết gì? theo lôgic nào?...) và hiểu được ý định giao tiếp của người viết (tác giả viết với mục đích gì?...). Các yêu cầu trong kỹ năng hiểu văn bản là:

- nhận ra loại hình (type textuel), thể loại (genre textuel), chủ đề của văn bản, hiểu được ý định giao tiếp của tác giả;
- phân biệt các nội dung chính phụ; tóm lược được các điểm chính yếu của văn bản;
- suy diễn để hiểu được nghĩa của từ trong tình huống và đặc biệt là những ẩn ý của văn bản.

Thư mục

Cao Xuân Hạo (1998). *Tiếng Việt. Mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*. Nxb. Giáo Dục, Hà Nội.

COOPER M. Linguistic competence of practiced and unpractised non-native readers of English (Kỹ năng ngôn ngữ trong đọc hiểu tiếng Anh của người bản xứ và người nước ngoài), trong ALDERSON J.C., URQUHART A.H. (1984). *Reading in a foreign language* (Đọc hiểu tiếng nước ngoài). Longman, London, tr.122-138.

KAIL M. (1990). Le traitement des données de langage: la prise d'indices et leur utilisation (Xử lý các dữ liệu ngôn ngữ: việc tìm và sử dụng các dấu hiệu). Trong Tạp chí *Le Français dans le Monde* (Tiếng Pháp trên thế giới). Số đặc biệt: *Acquisition et utilisation d'une langue étrangère. L'approche cognitive*, tr. 70-80.

LYONS J. (1968). *Linguistique générale. Introduction à la linguistique théorique* (Ngôn ngữ học đại cương: dẫn nhập vào ngôn ngữ học lý thuyết). Bản dịch của Dubois-Charlier và Robinson D. 1970, Larousse, Paris.

Nguyễn Hữu Quỳnh (1994). *Tiếng Việt hiện đại: Ngữ âm, ngữ pháp, phong cách*. Trung tâm biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội.

Phạm Đức Sử (2001). *Lire en FLE. Problématiques générales et questions propres au secondaire vietnamien* (Đọc hiểu tiếng Pháp. Những vấn đề chung và những vấn đề đặc thù của trường trung học phổ thông Việt Nam), Luận án ngôn ngữ học, 2 tập. Đại học Rouen, CH Pháp.

Phạm Đức Sử. (2004). *Dạy/học môn đọc hiểu văn bản tiếng Pháp tại các trường phổ thông trung học Việt Nam*. Tạp chí *Ngôn ngữ* 8 (183)-2004. Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội, tr. 63-66.

Trần Ngọc Thêm (1985). *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội.

VIGNER G. (1996). Lire: comprendre ou décoder? (Đọc: hiểu hay giải mã ?). Trong Tạp chí *Le Français dans le Monde* (Tiếng Pháp trên thế giới). Số 283, tr. 62-69. □